

alive (adj)

/əˈlaɪv/

còn sống



alone (adj)

/əˈləʊn/

một mình, cô đơn



architectural (adj)

/ˌɑːkɪˈtektʃərəl/

thuộc kiến trúc



attentive (adj)

/əˈtentɪv/

chăm chú, chu đáo



average (adj)

/ˈævərɪdʒ/

trung bình



communal (adj)

/ˈkɒmjənl/

thuộc cộng đồng, dùng chung